TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2022/DS-ST
Ngày: 19/7/2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Phương Tín

2. Ông Phan Văn Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quốc Thiên Hương – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trương Võ Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân Quận 11 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 159/2020/TLST-DS ngày 19/11/2020 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2022/QĐXXST-DS ngày 14/6/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2022/QĐST-DS ngày 30/6/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S; địa chỉ: đường N, Phường O, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Bùi Văn N, sinh năm 1978; địa chỉ: đường V, phường L, Quận T (nay là Thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (theo Văn bản ủy quyền số 1787/2020/GUQ-CNTĐ ngày 13/10/2020).

Ông N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Dương Quốc H, sinh năm 1988; địa chỉ: đường C, Phường S, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh;

Ông H vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện được nộp vào ngày 02/11/2020 của nguyên đơn và trong quá trình giải quyết vụ án ông Bùi Văn N là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 19/6/2018, ông Dương Quốc H có ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) với Ngân hàng thương mại cổ phần S (sau đây viết tắt là S). Căn cứ vào thu nhập của ông H, Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng, lãi suất 2,6%/tháng (thay đổi theo từng thời kỳ đổi lãi suất của S), lãi suất nợ quá hạn 150% của lãi suất được công bố tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Trong quá trình sử dụng thẻ ông H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 22/5/2020, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 19/7/2022, ông H còn nợ số tiền nợ gốc là 17.311.579 đồng và tiền lãi quá hạn là 17.735.940 đồng, tổng cộng ông H nợ S là 35.045.519 đồng (Ba mươi lăm triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn năm trăm mười chin đồng). Nay Ngân hàng TMCP S yêu cầu ông Dương Quốc H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tổng số tiền 35.045.519 đồng sau khi án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, ông H còn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 20/7/2021 cho đến khi trả dứt nợ vay theo mức lãi suất nợ thỏa thuận trên số nợ gốc còn thiếu được quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 19/6/2018 và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng mà ông H đã ký.

Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S do ông Bùi Văn Nam làm đại diện có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, đồng thời ông Nam xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị Tòa án buộc ông Dương Quốc H phải thanh toán ngay số tiền còn nợ cho Ngân hàng tính đến ngày 19/7/2022 là 35.045.519 đồng, trong đó, số tiền nợ gốc là 17.311.579 đồng, tiền lãi quá hạn là 17.733.940 đồng và tiền lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 20/7/2022 cho đến khi ông H thanh toán xong toàn bộ khoản nợ trên số nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 19/6/2018 và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

*Bị đơn ông Dương Quốc H trong suốt quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia hòa giải và dự phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật như sau:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, tuy nhiên còn tồng đạt thông báo thụ lý cho bị đơn trễ hạn và chưa đảm bảo đúng thời hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng S khởi kiện yêu cầu ông Dương Quốc H trả số tiền còn nợ, đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng vay tài sản. Theo Kết quả cung cấp thông tin của Công an Phường 8, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh thì bị đơn ông Dương Quốc H có hộ khẩu thường trú tại số đường C, Phường S, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh, hiện tạm trú tại đường B, phường B, quận BT. Tuy nhiên theo kết quả xác minh của Công an phường B thì tại địa bàn không có địa chỉ nêu trên. Do đó, căn cứ vào điểm e khoản 4 Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 04/2017/NQ- HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở xác định địa chỉ tại Quận 11 là địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của bị đơn. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn S do ông Bùi Văn N làm đại diện có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần 2 tại phiên tòa dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn. Căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

3.1 Đối với yêu cầu trả số tiền nợ gốc là 17.311.579 đồng:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 19/6/2018 giữa S và ông Dương Quốc H có chữ ký và ghi tên Dương Quốc H, các bảng sao kê chi tiết số tiền khách hàng đã trả và tiền lãi vay quá hạn, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở xác định ông H đã sử dụng thẻ Tín dụng của S nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng là vi phạm Hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 2 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 466 Bộ Luật dân sự 2015 quy định: "Bên vay tài sản là tiền phải trả đủ tiền khi đến hạn". Vì vậy, xét thấy việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền nợ gốc 17.311.579 đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

3.2 Đối với yêu cầu thanh toán khoản tiền lãi quá hạn tính từ ngày 22/5/2020 đến ngày 19/7/2022 là 17.733.940 đồng:

Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng quy định: "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi* suất, *phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*'' và căn cứ vào Điểm c Khoản 4 Điều 13 và Điều 20 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng thì:*"Trường hợp khoản nợ vay bị chuyển*

nợ quá hạn thì khách hàng phải trả lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất áp dụng không vượt quá 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn" và căn cứ theo khoản 2 Điều 22 Quyết định 04/VBHN-NHNN ngày 24/4/2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc Ban hành quy chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoạt động thẻ ngân hàng.

Do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán, đến ngày 22/5/2020, S chuyển nợ gốc sang nợ quá hạn và áp dụng mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận tại Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của S là phù hợp quy định của pháp luật. Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông H thanh toán số tiền lãi quá hạn tính từ ngày 22/5/2020 đến ngày 19/7/2022 với số tiền 17.733.940 đồng là có căn cứ cần chấp nhận.

Như vậy, căn cứ vào những nhận định trên phù hợp với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở buộc ông Dương Quốc H phải thanh toán cho S số tiền còn nợ tính đến ngày 19/7/2022 là 35.045.519 đồng và tiền lãi tiếp tục phát sinh trên số nợ gốc tính từ ngày 20/7/2022 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn được thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 19/06/2018 giữa S với ông Dương Quốc H.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: S không phải chịu án phí và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí. Ông Dương Quốc H phải chịu án phí trên số tiền phải thanh toán cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Khoản 2 Điều 228, 244, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Điều 19, Điều 22 Quy chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoạt động thẻ ngân hàng ban hành kèm theo Quyết định số 20/2007/QĐ- NHNN ngày 15/5/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

Căn cứ vào Điểm c Khoản 4 Điều 13, Điều 20 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S về việc yêu cầu ông Dương Quốc H trả nợ.

2. Buộc ông Dương Quốc H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền còn nợ tính đến ngày 19/7/2022 trong đó, số tiền nợ gốc là 17.311.579 đồng, tiền lãi quá hạn là 17.733.940 đồng. Trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông Dương Quốc H có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc còn thiếu tính từ ngày 20/7/2022 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn được thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 19/6/2018 và Bộ điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S với ông Dương Quốc H.

3. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm là 1.752.276đ (Một triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn hai trăm bảy mươi sáu đồng), ông Dương Quốc H phải chịu.

Hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 513.808đ (Năm trăm mười ba nghìn tám trăm lẻ tám đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0052508 ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TANDTP. HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mỹ Duyên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mỹ Duyên